

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/DS-ST

Ngày: 30 - 9 - 2021.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Thắng.

Ông Nguyễn Văn Tân.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2021/TLST-DS, ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2021/QĐXXST - DS ngày 23/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2021/QĐST-DS ngày 13/9/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Quốc D**, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Số C, khóm D, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1/ Ông **Nguyễn Văn Đ** (vắng mặt)

2/ Bà **Trương Kim T** (vắng mặt)

3/ Ông **Nguyễn Tấn P** (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số C, ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D trình bày:

Do là chỗ quen biết nên vào ngày 20/5/2019 ông có cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Trương Kim T cùng con trai của ông, bà là Nguyễn Tấn P vay số tiền là 188.500.000 đồng dùng để chi tiêu trong gia đình. Khi vay các bên có làm biên nhận với nhau, thỏa thuận đến ngày 05/6/2019 sẽ trả, lãi suất là 5%/tháng. Khi đến hạn ông có yêu cầu ông Đ, bà T và ông P trả lại tiền cho ông nhưng phía ông Đ, bà T và ông P không trả.

Nay nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm giải quyết buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Trương Kim T và ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm trả ông số tiền còn nợ là 188.500.000 đồng. Ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Trương Kim T và ông Nguyễn Tấn P vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, các bị đơn cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự có mặt chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền nợ vay còn thiếu nên quan hệ pháp luật tranh chấp được HĐXX xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Đồng thời các bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt các bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Trương Kim T và

ông Nguyễn Tấn P. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bị đơn nêu trên.

- Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn trả tiền vay còn thiếu là 188.500.000 đồng. Xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ nguyên đơn đã cung cấp biên nhận ngày 20/5/2019 thể hiện “Tôi tên Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1954 hiện cư ngụ ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng số nhà C, vợ tên là Trương Kim T, sinh năm 1959 hiện cư ngụ cùng ấp. Con tôi là Nguyễn Tấn P, sinh năm 1987 ở cùng ấp. Gia đình tôi có đồng ý mượn số tiền của cháu D tổng số tiền là 188.500.000 đồng (một trăm tám mươi triệu năm trăm ngàn) kể từ ngày hôm nay đến ngày 5/6/2019 tôi sẽ trả lại số tiền trên”. Trong quá trình thụ lý phía bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ có nhận được thông báo thụ lý giải quyết vụ án. Tuy nhiên, phía bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 466, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Trương Kim T và ông Nguyễn Tấn P liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay còn thiếu là 188.500.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D.

Buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Trương Kim T và ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D số tiền vay còn nợ là 188.500.000 đồng (một trăm tám mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Trương Kim T và ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.425.000 đồng (chín triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D không phải chịu án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 4.710.000 đồng (bốn triệu bảy trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007633 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ST;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn